**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**XÃ BÁT TRÀNG**

# CÔNG KHAI

**Dự toán thu, chi ngân sách xã Bát Tràng năm 2025**
**Trình HĐND xã**
*( Theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016)*

**Bát Tràng, tháng 01 năm 2025**

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ BÁT TRÀNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |
| Số: 09 /QĐ- UBND | |

*Bát Tràng, ngày 7 tháng 01 năm 2025*

# QUYẾT ĐỊNH
**V/v: Công bố công khai dự toán ngân sách trình HĐND xã năm 2025**

## UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BÁT TRÀNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2025 của UBND xã Bát Tràng về dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số: 6499/QĐ –UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách nhà nước của huyện Gia Lâm năm 2025*

*Xét đề nghị của Văn phòng, Kế toán-Tài chính xã.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND xã năm 2025. *(Theo các biểu mẫu đính kèm).*

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3:** Văn phòng UBND xã, bộ phận Tài chính xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- UBND huyện Gia Lâm;
- Phòng TC –KH huyện;
- Đảng uỷ xã, TT HĐND;
- Các đoàn thể xã;

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

CHỦ TỊCH
Phạm Huy Khôi

*Biểu số 104CK TC-NSNN*

# DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

*(Theo Quyết định số 09 /QĐ- UBND ngày 7 /01/2025 của UBND xã Bát Tràng)*

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2025 | |
|---|---|---|---|
| | | Thu NSNN | Thu NSX |
| *A* | *B* | *3* | *4* |
| | **Tổng thu ngân sách xã** | **32,326,100,000** | **19,303,100,000** |
| I | **Các khoản thu 100%** | **4,780,000,000** | **4,780,000,000** |
| 1 | Thu lệ phí trước bạ nhà đất | 1,469,000,000 | 1,469,000,000 |
| 2 | Thu thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh | 333,000,000 | 333,000,000 |
| 3 | Phí, lệ phí | 70,000,000 | 70,000,000 |
| 4 | Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản | 1,500,000,000 | 1,500,000,000 |
| 5 | Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 1,208,000,000 | 1,208,000,000 |
| 6 | Thu khác ngân sách | 200,000,000 | 200,000,000 |
| **II** | **Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %** | **13,023,000,000** | - |
| 1 | Thuế giá trị, gia tăng | 8,650,000,000 | |
| 2 | Thuế thu nhập cá nhân | 4,373,000,000 | |
| **III** | **Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã ( nếu có)** | | |
| **IV** | **Thu chuyển nguồn** | | |
| **V** | **Thu kết dư ngân sách năm trước** | | |
| **IV** | **Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện** | **11,476,100,000** | **11,476,100,000** |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 10,549,000,000 | 10,549,000,000 |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu | 927,100,000 | 927,100,000 |
| **V** | **Nguồn thực hiện CCTL năm 2024 còn dư chuyển sang năm 2025** | **3,047,000,000** | **3,047,000,000** |

*Bát Tràng, ngày 7 tháng 01 năm 2025*

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Kế toán**

**Trần Thị Như Dinh**

**Phạm Huy Khôi**

**UBND XÃ BÁT TRÀNG** *Biểu số 105/CK TC-NSNN*

# TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

*(Kèm theo quyết định số 09/QĐ- UBND ngày 7 /01/2025 của UBND xã Bát Tràng)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Nội dung các chỉ tiêu | Dự toán chi năm 2025 | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Đầu tư phát triển | Thường xuyên |
| **A** | **TỔNG CHI** | **19,303,100,000** | | **19,303,100,000** |
| **I** | **Chi đầu tư XDCB** *(nhiệm vụ được phân cấp)* | **0** | | **0** |
| | | | | |
| **II** | **Chi thường xuyên** | **18,216,100,000** | | **18,216,100,000** |
| 1 | Chi sự nghiệp kinh tế | 25,000,000 | | 25,000,000 |
| *1.1* | *Hoạt động dịch vụ trồng trọt và chăn nuôi* | *25,000,000* | | *25,000,000* |
| *1.2* | *Đường xá cầu cống* | *0* | | *0* |
| 2 | Chi sự nghiệp môi trường | 100,000,000 | | 100,000,000 |
| 3 | Chi sự nghiệp dân số KHHGĐ | 35,000,000 | | 35,000,000 |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế | | | 0 |
| 5 | Sự nghiệp truyền thanh | 155,483,200 | | 155,483,200 |
| 6 | Sự nghiệp văn hóa | 295,000,000 | | 295,000,000 |
| 7 | Sự nghiệp thể thao | 150,000,000 | | 150,000,000 |
| 8 | Chi đảm bảo xã hội | 250,224,000 | | 250,224,000 |
| 9 | Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể | 14,266,083,276 | | 14,266,083,276 |
| 9.1 | Phần KP giao thực hiện chế độ tự chủ | 12,033,003,276 | | 12,033,003,276 |
| a | *Trong đó: Chi lương, phụ cấp* | *9,227,914,767* | | 9,227,914,767 |
| b | *- Chi hoạt động theo khoán biên chế* | *2,805,088,509* | | 2,805,088,509 |
| 9.2 | Phần KP không giao thực hiện chế độ tự chủ | 2,233,080,000 | | 2,233,080,000 |
| *a* | *- Chi quản lý nhà nước (hoạt động HĐND và UBND cấp xã)* | *654,070,000* | | 654,070,000 |
| *b* | *- Hỗ trợ NS Đảng (hoạt động Đảng ủy cấp xã)* | *838,330,000* | | 838,330,000 |
| *c* | *- Hỗ trợ các Đoàn thể chính trị* | *430,680,000* | | 430,680,000 |
| *d* | *- Hỗ trợ các hội đặc thù* | *310,000,000* | | 310,000,000 |
| 10 | Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội | 1,426,440,000 | | 1,426,440,000 |
| 11 | Chi quốc phòng | 1,239,869,524 | | 1,239,869,524 |
| 12 | Chi chăm sóc trẻ em, HĐ hè | 100,000,000 | | 100,000,000 |
| 13 | Chi sự nghiệp thủy lợi và dịch vụ thủy lợi | 73,000,000 | | 73,000,000 |
| 14 | Chi sự nghiệp chính sách | 100,000,000 | | 100,000,000 |
| **III** | **10% tiết kiệm thực hiện CCTL** | **701,000,000** | | **701,000,000** |
| **IV** | **Dự phòng ngân sách** | **386,000,000** | | **386,000,000** |

*Bát Tràng, ngày 7 tháng 01 năm 2025*

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Kế toán**

**Trần Thị Như Dinh**

**Phạm Huy Khôi**

*Biểu số 103/CK TC-NSNN*

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025**

*(Theo Quyết định số 09 /QĐ- UBND ngày 7 /01/2025 của UBND xã Bát Tràng)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Nội dung thu | Dự toán | Nội dung chi | Dự toán |
|---|---|---|---|
| **TỔNG SỐ THU** | **19,303,100,000** | **TỔNG SỐ CHI** | **19,303,100,000** |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100% | 4,780,000,000 | I.Chi đầu tư | |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | | II.Chi thường xuyên | 18,917,100,000 |
| III. Thu bổ sung | 11,476,100,000 | III.Dự phòng *( đối với dự toán)* | 386,000,000 |
| - Bổ sung cân đối | 10,549,000,000 | | |
| - Bổ sung có mục tiêu | 927,100,000 | | |
| IV.Nguồn thực hiện CCTL năm 2024 còn dư chuyển sang năm 2025 | 3,047,000,000 | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | | | |

*Bát Tràng, ngày 7 tháng 01 năm 2025*

**Kế toán**

**Trần Thị Như Dinh**

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Huy Khôi**

*Biểu số 106/CK-TC-NSNN*

# DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

*(Theo Quyết định số 09 /QĐ- UBND ngày 7 /01/2025 của UBND xã Bát Tràng)*

*Đơn vị: Nghìn đồng*

| Tên công trình | Thời gian khởi công-hoàn thành | Tổng dự toán được duyệt | | Giá trị thực hiện đến 31/12/2024 | Giá trị thanh toán đến 31/12/2024 | Dự toán năm 2025 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Trong đó nguồn đóng góp của | | | Tổng số | Trong đó thanh toán khối lượng năm | vốn | |
| | | | | | | | | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| **TỔNG SỐ** | | | | | | | | | |
| 1. Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | | |
| Trong đó: Hoàn thành trong năm | | | | | | | | | |
| 2. Công trình khởi công mới | | | | | | | | | |
| Trong đó: Hoàn thành trong năm | | | | | | | | | |

*Bát Tràng, ngày 7 tháng 01 năm 2025*

**Kế toán**

**Trần Thị Như Dinh**

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Huy Khôi**

*Biểu số 107/CK-TC-NSNN*

# KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

*(Theo Quyết định số 09/QĐ- UBND ngày 7 /01/2025 của UBND xã Bát Tràng)*

*Đơn vị: Nghìn đồng*

| Nội dung | Ước thực hiện năm 2024 (Năm hiện hành) | | | Kế hoạch năm 2025 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) |
| **TỔNG SỐ** | | | | | | |
| **1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách** | **485,447,500** | **268,274,000** | **217,173,500** | **410,000,000** | **244,000,000** | **166,000,000** |
| Quỹ vì người nghèo | 155,970,600 | 84,500,000 | 71,470,600 | 140,000,000 | 84,000,000 | 56,000,000 |
| Quỹ chăm sóc người cao tuổi | 74,499,500 | 35,720,000 | 38,779,500 | 65,000,000 | 30,000,000 | 35,000,000 |
| Quỹ đền ơn đáp nghĩa | 94,576,000 | 53,880,000 | 40,696,000 | 85,000,000 | 60,000,000 | 25,000,000 |
| Quỹ chữ thập đỏ | 36,304,900 | 23,482,000 | 12,822,900 | 35,000,000 | 25,000,000 | 10,000,000 |
| Quỹ trẻ em | 93,484,500 | 40,192,000 | 53,292,500 | 85,000,000 | 45,000,000 | 40,000,000 |
| Quỹ khuyến học | 30,612,000 | 30,500,000 | 112,000 | 31,000,000 | 31,000,000 | - |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp | | | | | | |
| | | | | | | |

*Bát Tràng, ngày 7 tháng 01 năm 2025*

**Kế toán**

**Trần Thị Như Dinh**

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Huy Khôi**